

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TSD
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TSD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TSD TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108305102

3. Ngày thành lập: 01/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1A, Lô 6 Trung Yên 12, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị cơ điện lạnh, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị chống trộm, thiết bị camera quan sát, thiết bị máy thu nạp năng lượng mặt trời.	4659
2.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3.	Bán buôn tổng hợp	4690
4.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
5.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: – Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
6.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
7.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
8.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: – Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759

9.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
10.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
11.	Vận tải bằng xe buýt	4920
12.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
13.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết : Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932(Chính)
14.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
16.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt; hóa lỏng khí để vận chuyển)	5221
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa, vận tải ven biển và viễn dương.	5222
19.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; giao nhận hàng hóa, hoạt động của các đại lý bán vé máy bay.	5229
21.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
22.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
23.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản	6820
24.	Cho thuê xe có động cơ	7710
25.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
27.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa	4610
28.	Bán buôn thực phẩm	4632
29.	Bán buôn đồ uống	4633
30.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

31.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác	4649
-----	---	------

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ QUANG THÀNH	Số 386 tổ 30, đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	680.000.000	34,000	012208740	
2	TRẦN NGỌC SƠN	Miêu Nha, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	560.000.000	28,000	036084000017	
3	NGUYỄN HỮU DŨNG	11 Ngõ Châu Long, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	560.000.000	28,000	012882499	
4	KIM THỊ HỒNG NHUNG	Tổ dân phố Văn Trì 3, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	200.000.000	10,000	012906839	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ QUANG THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/10/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012208740

Ngày cấp: 30/07/2003

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 386 tổ 30, đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 386 tổ 30, đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội